TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 39/2022/HC-PT
Ngày 01-3-2022
V/v: khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;
Các Thẩm phán: bà Lê Thị Thúy Bình;
bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 415/2021/TLPT-HC ngày 13 tháng 10 năm 2021 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lí đất đai, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án số 01/2021/HC-ST ngày 28-4-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1019/2022/QĐPT-HC ngày 15-02-2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: anh Nông Văn T sinh năm 1980; trú tại: thôn BK, xã BL, huyện BG, tỉnh L; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Lương Văn A - Văn phòng luật sư Lương A, Đoàn Luật sư tỉnh L; có mặt.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân huyện BG, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp: ông Hoàng Văn C - Phó Chủ tịch (theo ủy quyền), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lô Thị K và chị Nông Thị Q; đều trú tại: thôn BK, xã BL, huyện BG, tỉnh L. Người đại diện theo ủy quyền là anh Nông Văn T.

- Ông Nông Văn M trú tại: thôn BK, xã BL, huyện BG, tỉnh L; vắng mặt.

4. Người làm chứng: anh Nông Văn H sinh năm 1989; trú tại: thôn BK, xã BL, huyện BG, tỉnh L; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2020, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, lời trình bày tại Tòa án, người khởi kiện là anh Nông Văn T trình bày: anh khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tuyên hủy Quyết định số 3173/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND huyện BG, tỉnh L về thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của hộ ông Nông Văn T và bà Lô Thị K, địa chỉ thôn BK, xã BL, huyện BG, tỉnh L. Lý do ông yêu cầu Tòa hủy là Quyết định số 3173 của UBND huyện BG vì UBND huyện ban hành không tuân thủ các quy định của pháp luật và chưa đúng với thực tế khách quan bao gồm: giữa ông Nông Văn M là bố và anh Nông Văn T là con không có tranh chấp về việc thừa kế hay tặng cho quyền sử dụng đất đối với khu rừng mà UBND huyện BG đã cấp cho Nông Văn T và Lô Thị K được quản lý và sử dụng tại thửa đất số 905, tờ bản đồ lâm nghiệp xã BL số 02, diện tích 190.014 m^2; ngày 23/8/2019 Phòng tài nguyên và môi trường huyện BG đã xuống thực địa xác minh nhưng chưa đảm bảo khách quan theo quy định của pháp luật. Ngày 27/8/2019 ông đã có đơn khiếu nại kết quả xác minh nhưng không được giải quyết. Việc chưa giải quyết khiếu nại xác minh mà Phòng tài nguyên và môi trường huyện vẫn báo cáo và có tờ trình số 247 ngày 19/11/2020 là trái quy định; Báo cáo số 28 ngày 10/5/2019 của UBND xã BL là không đúng thực tế và không có căn cứ; Phòng tài nguyên và môi trường huyện BG tiến hành xác minh vào các ngày 23/5/2019, 15/10/2019, 10/12/2019 có thành phần những người ông đã tố cáo như ông Hoàng Công T1 là cán bộ địa chính xã. Do đó việc xác minh không đảm bảo khách quan, ông đã có đơn khiếu nại nhưng không được xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện BG, tỉnh L trình bày:

Thửa đất số 218A, tờ bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp xã BL đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N876577, số vào sổ 105 QSDĐ/236/QĐ-UB cấp ngày 01/10/1999 cho ông Nông Văn M, địa chỉ thôn BK, xã BL, huyện BG. Ngày 10/11/2010, UBND huyện BG cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 725796, số vào sổ CH 00045 cho hộ ông Nông Văn T và bà Lô Thị K, địa chỉ thôn BK, xã BL, huyện BG. Trùng thửa đất đã cấp cho ông Nông Văn M. Ông Nông Văn T là con đẻ của ông Nông Văn M. Qua rà soát hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nông Văn T. Phòng tài nguyên và môi trường huyện BG nhận thấy hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nông Văn T không đáp ứng được điều kiện quy định tại khoản 4, Điều 49, Luật đất đai năm 2003 "*Người được chuyển đổi, nhận chuyển nhượng, được thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất....*".

Trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có hồ sơ chuyển đổi, nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho giữa ông Nông Văn M và ông Nông Văn T.

Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 106, Luật đất đai năm 2013; điểm b, khoản 56, Điều 2, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung điểm b và điểm c khoản 4, Điều 87, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. *"56. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 4 Điều 87 như sau: "b) Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai thì kiểm tra lại, thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định;".* Phòng tài nguyên và môi trường đã tham mưu cho UBND huyện ban hành Thông báo số 80/TB-UBND ngày 15/4/2020 về việc thông báo thu hồi Giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền vơi đất số BĐ 725796, của hộ ông Nông Văn T và bà Lô Thị K, địa chỉ thôn BK, xã BL, huyện BG. Ngày 24/11/2020, UBND huyện BG ban hành Quyết định số 3173/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 725796, số vào sổ CH 00045 do UBND huyện cấp ngày 10/11/2010 cho hộ ông Nông Văn T và bà Lô Thị K, địa chỉ thôn BK, xã BL, huyện BG.

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2020 đến tháng 11/2020, UBND huyện BG, Phòng tài nguyên và môi trường huyện BG không nhận được phản ánh, kiến nghị của ông Nông Văn T và bà Lô Thị K về Thông báo số 80/TB-UBND ngày 15/4/2020 của UBND huyện BG. Việc ông Nông Văn T yêu cầu hủy Quyết định số 3173/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND huyện BG, tỉnh L về thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của hộ ông Nông Văn T và bà Lô Thị K, địa chỉ thôn BK, xã BL, huyện BG, tỉnh L là không có cơ sở.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lô Thị K, chị Nông Thị Q đều nhất trí theo quan điểm của anh Nông Văn T.

Ông Nông Văn M trình bày: năm 1996 ông mua khu rừng Cốc Pật với ông Hoàng Văn G diện tích là 19 ha khu rừng tiếp giáp với các hộ dân Hoàng Văn T2, Lý Văn V đến năm 1996 ông đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 7 ha, do tại thời điểm đó kê khai nhiều thì phải đóng thuế nhiều nên ông chỉ kê khai 7 ha còn 12 ha chưa kê khai để đưa vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên ông vẫn quản lý sử dụng ổn định 19 ha kể từ khi mua đất với ông Hoàng Văn G không ai tranh chấp. Năm 2010 có đợt đo đạc lại để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án, ông nhất trí để lại khu đất cho anh Nông Văn T. Khi làm thủ tục giấy tờ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T thì việc tặng cho đất tại thời điểm đó là chỉ cho bằng miệng, không có giấy tờ. Ngày 10/11/2010, UBND huyện BG cấp lại

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 19 ha cho con ông Nông Văn T, nay anh T vẫn quản lý sử dụng ổn định không tranh chấp với ai. Đến năm 2017, hộ gia đình ông Hoàng Văn T2 mới có tranh chấp với diện tích 1.000 m^2. Việc anh Nông Văn T khởi kiện UBND huyện BG ông hoàn toàn nhất trí, ông đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt tại phiên đối thoại và phiên xét xử.

Tại Bản án số 01/2021/HC-ST ngày 28-4-2021, Tòa án nhân dân tỉnh L đã căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 của Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 2, Điều 106 Luật đất đai 2013; điểm b, khoản 56, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung điểm b và điểm c khoản 4, Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; quyết định: bác yêu cầu khởi kiện của anh Nông Văn T, cụ thể:

Bác yêu cầu khởi kiện của anh Nông Văn T về yêu cầu hủy Quyết định số 3173/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND huyện BG, tỉnh L về thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của hộ ông Nông Văn T và bà Lô Thị K, địa chỉ thôn BK, xã BL, huyện BG, tỉnh L vì không có căn cứ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21-5-2021, người khởi kiện là anh Nông Văn T có đơn kháng cáo đề nghị xét xử phúc thẩm chấp nhận các yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bị kiện đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm giải quyết vụ án.

Người khởi kiện kháng cáo và Luật sư đề nghị chấp nhận kháng cáo, lý do: việc ban hành quyết định thu hồi đất không đúng thẩm quyền, trình tự và nội dung; ngoài ra, Luật sư còn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa anh Nông Văn H vào tham gia tố tụng là không đúng; đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa, có ý kiến căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện của anh Nông Văn T là có căn cứ, đúng pháp luật; đề nghị giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện: tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, anh Nông Văn T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3173/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 do UBND huyện BG, tỉnh L ban hành nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh L quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Ngày 24/11/2020, UBND huyện BG, tỉnh L ban hành Quyết định số 3173/QĐ-UBND. Tòa án nhân dân tỉnh L nhận được đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2020 của anh Nông Văn T. Như vậy, việc anh Nông Văn T khởi kiện đảm bảo về thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

[2]. Xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của quyết định hành chính bị khiếu kiện, xét thấy:

Về hình thức của quyết định: Quyết định số 3173/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND huyện BG, tỉnh L được ban hành đúng thẩm quyền, đúng thể thức văn bản, đầy đủ nội dung về căn cứ ban hành quyết định, nội dung quyết định, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể liên quan trong việc thi hành quyết định.

Về nguồn gốc thửa đất bị thu hồi: thửa đất số 218A, diện tích 7 ha tờ bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp xã BL đã được cấp giấy chứng nhận q uyền sử dụng đất số N876577, số vào sổ 105 QSDĐ/236/QĐ -UB cấp ngày 01/10/1999 cho ông Nông Văn M. Ngày 10/11/2010, UBND huyện BG thực hiện việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang cho hộ ông Nông Văn T và bà Lô Thị K thành thửa đất số 905 diện tích 190.221 m^2 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 2008. Qua rà soát hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Nông Văn T, Phòng tài nguyên và môi trường huyện BG nhận thấy hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nông Văn T diện tích đất cấp không đúng diện tích và trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có hồ sơ chuyển đổi, nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho giữa ông Nông Văn M và ông Nông Văn T. Ngoài ra, tại đơn xin cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/6/2008 của Nông Văn T, đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành N876577 cấp ngày 01/10/1999 (ông Nông Văn M) gồm 02 thửa: 218c có diện tích 3,5 ha; 218a có diện tích 7 ha, tổng diện tích là 10,5 ha. Ngày 10/11/2010 hộ ông T được cấp thửa đất số 905 có diện tích 190.014 m^2, như vậy diện tích đất cấp đổi tăng thêm nhưng trong hồ xin cấp không có tài liệu, văn bản nào như nhận chuyển nhượng, thừa kế... thể hiện diện tích tăng thêm, điều này cho thấy thửa đất 905 đã cấp cho hộ Nông Văn T, trùng lên một phần diện tích lô 218 đã cấp cho hộ Hoàng Văn G, phù hợp với kết quả xác minh của Phòng TNMT huyện BG. Trong đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng không có ý kiến kết quả thẩm tra của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; điểm b, khoản 56, Điều 2, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung điểm b và điểm c khoản 4, Điều 87, Nghị định số

43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. *"56. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 4 Điều 87 như sau: "b) Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai thì kiểm tra lại, thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định;".* Phòng tài nguyên và môi trường huyện BG đã tham mưu cho UBND huyện BG ban hành Thông báo số 80/TB-UBND ngày 15/4/2020 về việc thông báo thu hồi Giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 725796, của hộ ông Nông Văn T và bà Lô Thị K, địa chỉ thôn BK, xã BL, huyện BG. Ngày 24/11/2020, UBND huyện BG ban hành Quyết định số 3173/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 725796, số vào sổ CH 00045 do UBND huyện cấp ngày 10/11/2010 cho hộ ông Nông Văn T và bà Lô Thị K, địa chỉ thôn BK, xã BL, huyện BG là đúng theo quy định của pháp luật.

Anh Nông Văn T cho rằng giữa ông Nông Văn M là bố và Nông Văn T là con không có tranh chấp về việc thừa kế hay tặng cho quyền sử dụng đất đối với khu rừng mà UBND huyện BG đã cấp cho Nông Văn T và Lô Thị K được quản lý và sử dụng tại thửa đất số 905, tờ bản đồ lâm nghiệp xã BL số 02, diện tích 190.014 m^2; Ngày 23/8/2019 Phòng tài nguyên và môi trường huyện BG đã xuống thực địa xác minh nhưng chưa đảm bảo khách quan theo quy định của pháp luật. Ngày 27/8/2019 ông đã có đơn khiếu nại kết quả xác minh nhưng không được giải quyết. Việc chưa giải quyết khiếu nại xác minh mà Phòng tài nguyên và môi trường huyện vẫn báo cáo và có tờ trình số 247 ngày 19/11/2020 là trái quy định; Báo cáo số 28 ngày 10/5/2019 của UBND xã BL là không đúng thực tế và không có căn cứ; Phòng tài nguyên và môi trường huyện BG T hành xác minh vào các ngày 23/5/2019, 15/10/2019, 10/12/2019 có thành phần những người ông đã tố cáo như ông Hoàng Công Tạo là cán bộ địa chính xã. Do đó việc xác minh không đảm bảo khách quan, ông đã có đơn khiếu nại nhưng không được xem xét giải quyết là không có căn cứ để chấp nhận vì UBND huyện BG cho rằng trong khoảng thời gian từ tháng 4/2020 đến tháng 11/2020, UBND huyện BG và Phòng tài nguyên và môi trường huyện BG không nhận được phản ánh, kiến nghị của ông Nông Văn T và bà Lô Thị K về Thông báo số 80/TB-UBND ngày 15/4/2020 của UBND huyện BG.

Khi ban hành Quyết định số 3173/QĐ-UBND ngày 24/11/2020, UBND huyện BG, tỉnh L đã căn cứ vào khoản 2, Điều 106 Luật đất đai 2013; điểm b, khoản 56, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung điểm b và điểm c khoản 4, Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. UBND huyện BG ban hành Quyết định số 3173/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 là đúng quy định.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không có căn cứ xác định

anh Nông Văn H có quyền lợi liên quan đến yêu cầu khởi kiện và việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh T, nên không có cơ sở đưa anh H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi liên quan.

Với các lý do trên, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác các yêu cầu khởi kiện của anh Nông Văn T là đúng pháp luật; do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

[3]. Về án phí: anh T phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của anh Nông Văn T và giữ nguyên quyết định của Bản án số 01/2021/HC-ST ngày 28-4-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

2. Anh Nông Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Xác nhận anh T đã nộp số tiền trên vào ngày 01-6-2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- Cục THA dân sự tỉnh L;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tất Nam